

**CÔNG TY TNHH TK TECHNOLOGIES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TK TECHNOLOGIES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TK TECHNOLOGIES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TK TECHNOLOGIES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108566880

**3. Ngày thành lập:** 02/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 26 Ngách 25 Ngõ 858 Đường Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                | 7410        |
| 2.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                                     | 6399        |
| 3.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6201(Chính) |
| 4.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202        |
| 5.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                      | 7212        |
| 6.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển | 7730        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                | 6209        |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                               | 4653 |
| 10. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4741 |
| 11. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4742 |
| 12. | Dịch vụ liên quan đến in (trừ rên rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                     | 1812 |
| 13. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                            | 1820 |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 15. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                  | 7420 |
| 16. | Xuất bản phần mềm (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                            | 5820 |
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Môi giới chuyển giao công nghệ;<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ;<br>- Đánh giá công nghệ;<br>- Giám định công nghệ;<br>- Xúc tiến chuyển giao công nghệ. | 7490 |
| 18. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các điểm truy cập internet                                                                                                                                                                   | 6190 |
| 19. | Cổng thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước và các hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                            | 6312 |
| 20. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                  | 4651 |
| 21. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                   | 4652 |
| 22. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                | 1811 |
| 23. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                             | 7320 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI SỸ KHÁNH   | Thôn Tu Trình, Xã Thụy Hồng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam               | 1.470.000.000         | 49,000    | 151726858                                                                                                                                         |         |

|   |                 |                                                                     |               |        |           |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | ĐUỜNG THỊ THUẬN | Xóm Trung Hòa, Xã Thường Nga, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam | 1.530.000.000 | 51,000 | 183703916 |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐUỜNG THỊ THUẬN

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/03/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *183703916*

Ngày cấp: *08/08/2011*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Hà Tĩnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Trung Hòa, Xã Thường Nga, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 6, Thôn Chỉ Bò, Xã Thụy Trường, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội